

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TIẾNG NHẬT CĂN BẢN 1**

**Số tín chỉ : 2**

**Trình độ đào tạo : Đại học**

**Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên**

**Năm 2022**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Nhật căn bản 1
- Mã học phần:** TNHAT 006
- Số tín chỉ:** 2 (2, 0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 1
- Phân bổ thời gian**
  - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành
  - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Không
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	<a href="mailto:dtthanh@saodo.edu.vn">dtthanh@saodo.edu.vn</a>

### 8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm, thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định cùng với các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm, đồng thời học phần cung cấp các bài tập luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các chủ đề bài học.

### 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

#### 9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu của CTĐT
MT1	<b>Kiến thức</b>		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"><li>- Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.</li><li>- Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Thể</li></ul>	1	[1.2.1.1b]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả mục tiêu</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng mục tiêu của CTĐT</b>
	khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản để chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.		
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
	- Đọc và viết hai bảng chữ Hiragana, Katakana theo đúng thứ tự các nét, phát âm đúng các âm ngắt, âm ghép, trường âm. - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ điểm: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, vị trí, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng.	3	[1.2.2.3]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CDR của CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Phân biệt được chữ Hiragana và Katakana.	1	[2.1.4]
CDR1.2	Nhận biết được các âm ghép, âm ngắt, trường âm.	1	[2.1.4]
CDR1.3	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt các hoạt động giao tiếp đơn giản: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.	1	[2.1.4]
CDR1.4	Chuyển đổi được thể khẳng định, phủ định và nghi vấn của -desu.	1	[2.1.4]
CDR1.5	Phân biệt được cách sử dụng các trợ từ -wa, -mo, -no	1	[2.1.4]

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CDR của CTĐT</b>
	và các đại từ chỉ định.		
<b>CDR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CDR2.1	Đọc và viết đúng chữ Hiragana và Katakana.	2	[2.2.1]
CDR2.2	Phát âm đúng âm ghép, âm ngắt, trường âm.	2	[2.2.1]
CDR2.3	Giới thiệu rõ ràng thông tin về bản thân và đối tượng giao tiếp.	2	[2.2.1]
CDR2.4	Nghe, nói, đọc, viết tìm hiểu các thông tin cá nhân như tên tuổi, nơi sinh, quê quán, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi làm việc.	3	[2.2.1]
CDR2.5	Nghe, nói, đọc, viết giới thiệu vị trí, địa điểm, nơi chốn, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng.	3	[2.2.1]
<b>CDR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả.	3	[2.3.1]
CDR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.	3	[2.3.1]

## 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1					CDR2					CDR3			
		CDR1.1	CDR1.2	CDR1.3	CDR1.4	CDR1.5	CDR2.1	CDR2.2	CDR2.3	CDR2.4	CDR2.5	CDR3.1	CDR3.2	CDR3.3	CDR3.4
1	I. ひらがな (Chữ Hiragana)	1	1				2	2				3	3	3	3
2	II. カタカナ (Chữ katakana)	1	1				2	2				3	3	3	3
3	III. 挨拶 と 数学 (Các câu chào và số đếm)	1	1	1			2	2				3	3	3	3
4	第1課：はじめまして (Rất vui được làm quen với chị)	1	1	1	1		3	3	3	3		3	3	3	3
5	第2課：これからお世話になります (Từ nay rất mong được sự giúp đỡ của anh)	1	1	1	1	1	3	3	3	3	3	3	3	3	3

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4	CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3, CĐR2.4	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Trắc nghiệm: 60 phút	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3	CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Trắc nghiệm: 60 phút	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5	CĐR2.1, CĐR 2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR 2.5	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3	

### 11.2. Cách tính điểm học phần:

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, bút.

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

### - Tài liệu bắt buộc:

[1] AOTS - The Association For Overseas Technical Scholarship (2022), *Sách tự học Hiragana Katakana học thông qua nghe và viết*, Nhà xuất bản trẻ.

[2] 3A Network (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] 3A Network (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản dịch và giải thích ngữ pháp - tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

**- Tài liệu tham khảo:**

[4] 3A Network (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

**14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học**

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>I. ひらがな (Chữ Hiragana) <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày bảng chữ Hiragana; - Nhận biết chữ Hiragana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm, cách viết các chữ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> 1. Bảng chữ Hiragana 2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm</p>	6 (6 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, phát vấn</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các âm và hàng chữ Hiragana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Hướng dẫn sinh viên tập phát âm; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. <b>- Sinh viên:</b> + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Hiragana tài liệu [1] phần 1.</p>	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
2	<p>II. カタカナ (Chữ katakana) <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày bảng chữ Katakana; - Nhận biết các chữ Katakana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm,</p>	6 (6 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, phát vấn</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích các âm và hàng chữ Katakana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Luyện phát âm; + Phân biệt các chữ</p>	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

	<p>cách viết các chữ.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>1. Bảng chữ Katakana</p> <p>2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm</p>		<p>Hiragana và Katakana có nét tương đồng;</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm;</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</p> <p>+ Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra;</p> <p>+ Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Katakana tài liệu [1] phần 2.</p>	
3	<p>III. 挨拶と数学 (Chào hỏi và số đếm)</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Trình bày câu chào, số đếm;</p> <p>- Hội thoại chào hỏi.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>1. 挨拶</p> <p>2. 数学</p>	2 (2 LT, 0 TH)	<p><b>Thuyết trình, phát vấn, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <p>+ Giảng giải ý nghĩa, trường hợp sử dụng câu chào hỏi, cách thức chào hỏi của người Nhật;</p> <p>+ Trình bày số đếm, cách ghép và đọc số đếm;</p> <p>+ Giao bài tập luyện chào hỏi và đọc số cho sinh viên;</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Nghe, quan sát, ghi chép;</p> <p>+ Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra;</p> <p>+ Đọc trước tài liệu [2] trang 5, tài liệu [3] trang 7;</p> <p>+ Hội thoại chào hỏi;</p> <p>+ Học thuộc các số đếm;</p> <p>+ Luyện nghe, đọc, viết số.</p>	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
4	<p>第1課：はじめまして (Rất vui được làm quen với chị)</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Trình bày từ vựng chi nghề</p>	8 (6 LT, 0 TH, 2 KT)	<p><b>Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; tổ chức học nhóm</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <p>+ Giải thích từ vựng, cấu trúc;</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề;</p>	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR2.1; CDR2.2;



	nghiệp, tên quốc gia, quốc tịch; - Hiểu mẫu câu giới thiệu nghề nghiệp, quê quán, quốc tịch, tuổi tác; - Nghe, nói, đọc, viết chào hỏi, giới thiệu bản thân. <b>- Nội dung cụ thể:</b> 1. 1. 語彙 1. 2. 文法・句型 + 練習A + 練習 B 1. 3. 活動 + 会話 + 練習 C 1. 4. 問題 + 聴解 + 復習  Kiểm tra giữa học phần		+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Ôn tập củng cố nội dung từ bài 1 tài liệu [2]; + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần. <b>- Sinh viên</b> + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 10 - 15 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 6 - 13 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 1 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại chào hỏi, làm quen; + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	CDR2.3; CDR2.4; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
5	<b>第 2 課：これからお世話になります</b> <b>(Từ nay rất mong được sự giúp đỡ của anh)</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Trình bày danh từ chỉ đồ vật; - Hiểu mẫu câu giới thiệu đồ vật dùng các đại từ chỉ định, cấu trúc câu hỏi xác nhận và câu hỏi lựa chọn, các nghi vấn từ và trợ từ biểu thị sự sở hữu; - Nghe, nói, đọc, viết giới thiệu đồ vật và cấu trúc câu biểu thị sự sở hữu. <b>Nội dung cụ thể:</b> 2. 1. 語彙 2. 2. 文法・句型	6 (6 LT, 0 TH)	<b>Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; tổ chức học nhóm</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giải thích từ vựng, cấu trúc sử dụng trong bài học; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước từ vựng chỉ đồ vật, giải thích mẫu câu trang 16 - 21 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trang 14 - 21 tài liệu [2];	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR1.5; CDR2.1; CDR2.2; CDR2.3; CDR2.4; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

